

Bản án số: 93/2023/HS-PT  
Ngày: 11-5-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Nam Tiến.

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thu Hương.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Công Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 69/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

**Lê Văn H**, sinh ngày 12/10/1989 tại xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T 2, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 và bà Lê Thị K; có vợ là Trần Thị H2 và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: năm 2015, bị Công an huyện T (nay là Công an thị xã N) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- **Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (không triệu tập đến phiên tòa):** Lường Đình Đ, Đậu Xuân B, Phạm Văn D.

- **Bị hại:** Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Đ; địa chỉ: thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Văn H3 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Nguyễn Thị N - Phụ trách phòng Hành chính nhân sự, Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Đ; địa chỉ: thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 18, 19 và 21/01/2019, Lường Đình Đ đã cùng với đồng phạm liên tiếp thực hiện 3 lần trộm cắp vỏ bao bì phế liệu của Nhà máy bao bì Đ bán lấy tiền chia nhau, sử dụng tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ ngày 18/01/2019, Lường Đình Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 35C-093.xx chở nguyên liệu sản xuất bao bì vào trong Nhà máy Bao bì Đ thuộc Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Đ ở xã T, thị xã N. Sau khi xong việc, Đ gặp Đậu Xuân B, trú tại thôn T, xã P, thị xã N, là công nhân điều khiển xe nâng trong Nhà máy Bao bì Đ. Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên Đ nói với B *“Để tôi lấy ít bao bì phế liệu của nhà máy mang ra ngoài bán, được bao nhiêu thì chia đôi”*, B đồng ý và trèo lên rút các ốc vít của Camera để tránh bị phát hiện. Đ đi lại khu vực để bao bì phế liệu bốc bao bì đặt lên 02 tấm ba lét (giá nâng hàng trong nhà máy), rồi B sử dụng xe nâng nâng 02 tấm ba lét bao bì phế liệu lên xe ô tô của Đ. Sau đó, Đ điều khiển xe ô tô chở số bao bì phế liệu vừa trộm cắp được ra ngoài Nhà máy và mang đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Hoàng Bá T, ở tổ dân phố S, phường T, thị xã N. Đ và anh T thống nhất số lượng bao bì là 9.000 cái và thỏa thuận bán với giá 5.000.000 đồng. Số tiền này, Đ và B chia đôi, mỗi người 2.500.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 10 giờ ngày 19/01/2019, Đ gọi điện thoại cho B hỏi: *“hôm nay có hàng không?”*, B trả lời: *“có”*, Đ nói: *“chuẩn bị tối cho người vào bốc hàng”*. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe ô tô BKS 35C-093.xx và rủ thêm Phạm Văn D và Lê Văn H, người cùng thôn với Đ đi vào Nhà máy bao bì Đ để trộm cắp bao bì đem bán lấy tiền. Khi đến nơi, H ngồi trên ca bin xe ô tô canh giới, Đ và D đi vào kho của Nhà máy bốc các bao bì phế liệu lên 03 tấm ba lét, B sử dụng xe nâng nâng các tấm ba lét bao bì phế liệu lên thùng xe ô tô. Sau đó, Đ điều khiển xe ô tô chở số bao bì trên đến bán cho anh Hoàng Bá T. Đ và anh T thống nhất số lượng bao bì là 8.400 cái và thỏa thuận bán với giá 500 đồng/cái, được số tiền 4.200.000 đồng. Đến sáng ngày 20/01/2019, Đ chia cho B 2.100.000 đồng, H 100.000 đồng, D 300.000 đồng, còn lại 1.700.000 đồng, Đ sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ ba: Vào khoảng 21 giờ ngày 21/01/2019, trong lúc đang làm việc tại Nhà máy, Đ nói với B lấy ít bao bì đi bán, B đồng ý nên Đ gọi điện cho Lê Văn H và Phạm Văn D xuống Nhà máy để bốc trộm bao bì. Khoảng 10 phút sau, H và D đi xuống đến cổng Nhà máy, B ra cổng bảo vệ xin cho H và D vào. Khi vào bên trong kho của Nhà máy, Đ, D và H bốc các bao bì phế liệu bỏ lên 02 tấm ba lét, B điều khiển xe nâng nâng 02 tấm ba lét lên xe ô tô BKS 35C-093.xx cho Đ điều khiển mang đi bán cho anh Hoàng Bá T. Đ và anh T thống nhất số lượng bao bì là 7.200 cái, bán với giá 500 đồng/cái, được số tiền 3.600.000 đồng. Đến sáng ngày 22/01/2019, Đ chia cho B 1.800.000 đồng, H và D mỗi người 300.000 đồng, còn lại 1.200.000 đồng, Đ sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Về số lượng bao bì bị mất trộm, theo báo cáo của người bị hại là Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Đ, thì Công ty bị mất 15.671 kg vỏ bao bì phế liệu KP, tương ứng với 125.368 cái. Tuy nhiên quá trình điều tra chỉ xác định, Lương Đình Đ và các đồng phạm trộm cắp tổng số 24.600 cái bao bì phế liệu của Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Đ như đã nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS, ngày 03/10/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã N xác định: 01 vỏ bao bì phế liệu KP, có trọng lượng 125 gam có giá trị là 500 đồng.

Như vậy, giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp trong các ngày 18, 19 và ngày 21/01/2019 lần lượt là 4.500.000 đồng, 4.200.000 đồng và 3.600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 03 lần các bị cáo trộm cắp nêu trên là 12.300.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, khi mua số bao bì phế liệu trên, anh Hoàng Bá T không biết đây là tài sản do Đ phạm tội đem bán nên anh T không phạm tội.

Đối với anh Nguyễn Văn D1 là người được Nhà máy bao bì Đ giao sử dụng xe ô tô BKS 35C-093.xx để chở hàng cho Nhà máy, quá trình thực hiện, anh D1 có thuê Lương Đình Đ làm phụ lái và anh D1 thường xuyên giao xe cho Đ lái xe chở hàng về nhà máy. Tuy nhiên, việc Đ cùng đồng bọn lợi dụng việc này để thực hiện hành vi trộm cắp bao bì phế liệu tại Nhà máy và sử dụng xe ô tô chở tài sản trộm cắp mang đi bán, anh D1 không biết nên không vi phạm pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Tuyên bố: Lương Đình Đ, Đậu Xuân B, Lê Văn H, Phạm Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự (BLHS):

- Xử phạt: + Lương Đình Đ 18 (mười tám) tháng tù.
- + Phạm Văn D 12 (mười hai) tháng tù.
- + Lê Văn H 12 (mười hai) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS:

- Xử phạt: Đậu Xuân B 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp thi hành án treo, trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/02/2023, bị cáo Lê Văn H có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo xuất trình cho HĐXX Thư cảm ơn của Hội khuyến học xã T về việc gia đình bị cáo đã tham gia ủng hộ xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài của xã.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo Lê Văn H xuất trình thêm Thư cảm ơn của Hội khuyến học xã T về việc gia đình bị cáo đã tham gia ủng hộ xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài của xã. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn H làm theo đúng quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận:

Trong các ngày 19 và 21/01/2019 bị cáo đã cùng với Lường Đình Đ, Đậu Xuân B, Phạm Văn D tham gia trộm cắp vỏ bao bì phế liệu của Nhà máy bao bì Đ. Trước đó, ngày 18/01/2019 Lường Đình Đ, Đậu Xuân B đã có hành vi lén lút trộm cắp vỏ bao bì phế liệu của Nhà máy bao bì Đ thuộc Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Đ (tại xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) trị giá 4.500.000 đồng đem bán lấy tiền chia nhau sử dụng. Giá trị tài sản bốn bị cáo trộm cắp trong ngày 19/01/2019 là 4.200.000 đồng, ngày 21/01/2019 là 3.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp trong 3 ngày là 12.300.000 đồng. Riêng bị cáo được hưởng lợi số tiền là 400.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác cùng tham gia trộm cắp tài sản và các tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Lê Văn H và 03 bị cáo khác phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để quyết định mức hình phạt 12(mười hai) tháng tù đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm Thư cảm ơn của Hội khuyến học xã T về việc gia đình bị cáo đã đóng góp tham gia ủng hộ xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài của xã. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy: Bị cáo tuy đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, nhưng từ năm 2015, tính đến ngày phạm tội đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo tuy có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là phạm tội 02 lần trở lên, nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, tham gia ủng hộ quỹ khuyến học, khuyến tài của xã, được Chủ tịch Hội khuyến học xã T gửi thư cảm ơn. Mặt khác, trong vụ án này, bị cáo là đồng phạm có vai trò thứ yếu, số tiền bị cáo được hưởng lợi là không đáng kể. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 12(mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24(hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng

án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS, TA, THAHS thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Bị cáo;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**